

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2022/DS-ST

Ngày: 28- 09 – 2022.

Về việc: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Y Ník Êban và bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Tiến - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 05 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST – DS, ngày 30 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2022/QĐST–DS, ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đậu Thị H, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: Thôn Chư Cúc, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn S, bà Trương Thị U. Nơi cư trú: Thôn 6B, xã L, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện, ngày 13/5/2022 và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đậu Thị H trình bày: Vào ngày 05/5/2021 bà H cho ông Trần Văn S và bà Trương Thị U, cư trú ở Thôn 6B, xã L, huyện K vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn), lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/ tháng. Hẹn đến ngày 24/11/2021 âm lịch (tức ngày 27/12/2021 dương lịch) trả tiền. Tuy nhiên đã quá hạn trả nợ mặc dù bà H đã nhiều lần đến nhà đòi nhưng ông S, bà U không trả nợ và trước khi tôi nộp đơn khởi kiện ra Tòa án thì bà H có báo cho bà U, ông S biết và bà U có hứa sẽ trả cho bà H trước số tiền 25.000.000đ vay gốc và số tiền còn lại hẹn một tháng sau sẽ trả, tới nay bà U, ông S chưa trả cho tôi được khoản tiền vay gốc và lãi suất nào. Vì vậy tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn S, bà Trương Thị U trả cho bà Đậu Thị H số tiền vay gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn) và khoản tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là 20%/năm (tương đương mức lãi suất 1.66%/ tháng) tính từ ngày vay 05/5/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn bà Trương Thị U, ông Trần Văn S trình bày: Vào ngày 05/5/2021 ông Trần Văn S, bà Trương Thị U vay của bà Đậu Thị H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn), với mức lãi suất là 2%/ tháng. Hẹn đến ngày 24/11/2021 âm lịch (tức ngày 27/12 2021) trả đủ nhưng chưa trả. Đến khoảng tháng 4/2022 bà U có đem ra trả cho bà H số tiền 25.000.000đ vay gốc nhưng bà H không đồng ý nên bà U dùng số tiền đó trả nợ cho người khác, hiện tại ông S, bà U còn nợ bà H 50.000.000đ vay gốc và lãi suất phát sinh. Nguyên vọng của bà U, ông S đồng ý trả số tiền vay gốc, cùng với lãi

suất phát sinh theo yêu cầu khởi kiện của bà H và hẹn đến cuối năm 2022 trả dứt điểm số tiền trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn; tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có nguyên đơn bà Đậu Thị H và bị đơn bà Trương Thị U có mặt; bị đơn ông Trần Văn S vắng mặt không có lý do; Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với bị đơn ông Trần Văn S. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Bà Đậu Thị H trình bày ý kiến tranh luận: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

- Bị đơn ông Trần Văn S, bà Trương Thị U vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quyền tham gia tố tụng của các bên.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX): HĐXX, nguyên đơn bà Đậu Thị H, bị đơn bà Trương Thị U đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn ông Trần Văn S mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 73, Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đậu Thị H. Buộc ông Trần Văn S và bà Trương Thị U có trách nhiệm trả cho bà Đậu Thị H số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2022) là 64.000.000đ (Sáu mươi bốn triệu đồng). Trong đó tiền vay gốc 50.000.000đ; tiền lãi suất là 14.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Đậu Thị H, lập ngày 13 tháng 5 năm 2022 và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là giấy vay tiền, lập ngày 05/5/2021 (bút lục số 02, 34), Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy tại thời điểm khởi kiện bị đơn ông Trần Văn S bà Trương Thị U, cư trú tại Thôn 6B, xã L, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Trương Thị U, ông Trần Văn S: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa nhưng ông Trần Văn S bà Trương Thị U vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Trương Thị U, ông Trần Văn S theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị H, đề nghị HĐXX buộc ông Trần Văn S, bà Trương Thị U có trách nhiệm trả cho bà Đậu Thị H số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vay gốc, HĐXX nhận định: Vào ngày 05/5/2021 ông Trần Văn S, bà Trương Thị U ký xác lập hợp đồng vay của bà Đậu Thị H với số tiền 50.000.000đ, mức lãi suất là 2% và đến ngày 24/11/2021 âm lịch trả dứt điểm. Sự việc trên đã được bà Hiền, ông S và bà U thừa nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của BLTTDS, Tòa án công nhận đó là sự thật không cần phải chứng minh.

Theo giấy vay tiền lập ngày 05/5/2021, thì các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 24/11/2021 âm lịch (tức ngày 27/12 2021), tuy nhiên từ khi xác lập hợp đồng vay cho đến nay ông S, bà U chưa trả tiền cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự (BLDS).

Tại khoản 1 Điều 466 của BLDS quy định:

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị H là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Khoản 1 Điều 466 của BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đậu Thị H. Buộc ông Trần Văn S, bà Trương Thị U trả cho bà Đậu Thị H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vay gốc là đúng với quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Theo giấy vay tiền, lập ngày 05/5/2021, thể hiện mức lãi suất là 2%/tháng (tương đương mức lãi suất 24%/năm), như vậy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay đã vượt quá mức lãi suất là 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn S, bà Trương Thị U đồng ý trả cho nguyên đơn mức lãi suất là 20%/năm. Tại phiên tòa bà H đề nghị HĐXX tính lãi suất 20%/ năm (tức 1,66%/tháng) từ ngày vay 05/5/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2022 là có căn cứ được quy định

tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Mức lãi suất được tính như sau: Bà U, ông S vay từ ngày 05/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2022 là 511 ngày $\times 20\%/năm \times 50.000.000\text{đ}/365 \text{ ngày} = 14.000.000\text{đ}$.

Như vậy, tổng cộng số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh, HĐXX buộc ông Trần Văn S, bà Trương Thị U trả cho bà Đậu Thị H là 64.000.000đ (Sáu mươi bốn triệu đồng chẵn). Trong đó: Tiền vay gốc là 50.000.000đ và tiền lãi suất là 14.000.000đ.

[3] Về tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm:

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí lệ phí Tòa án. Buộc ông Trần Văn S, bà Trương Thị U phải chịu 3.200.000đ (Ba triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (theo mức: 64.000.000đ $\times$ 5%).

- Về tiền tạm ứng án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, HĐXX tuyên trả lại cho bà Đậu Thị H số tiền 1.499.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0006126, ngày 18/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 209, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị H.

1. Buộc ông Trần Văn S và bà Trương Thị U có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Đậu Thị H số tiền 64.000.000đ (sáu mươi bốn triệu đồng). Trong đó: tiền vay gốc 50.000.000đ và 14.000.000đ tiền lãi suất.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2022) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án (ông Trần Văn S, bà Trương Thị U) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí và tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Trần Văn S, bà Trương Thị U phải chịu 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Đậu Thị H được nhận lại số tiền 1.499.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0006126, ngày 18/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Đậu Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn ông Trần Văn S, bà Trương Thị U vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà****(Đã ký)****Võ Thị Mai**